

KẾ HOẠCH KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN LẦN 3

Môn : Sinh học – Lớp 9

I. Nội dung : Kiến thức về sinh vật và môi trường

II. Hình thức : Thực hiện Tuần 9 / HK2

Trắc nghiệm

BÀI TẬP

Câu 1: Một hệ sinh thái hoàn chỉnh bao gồm những thành phần chủ yếu nào sau đây:

- A. Thành phần vô sinh, thành phần hữu cơ, thành phần vô cơ
- B. Thành phần động vật, thành phần thực vật, thành phần vi sinh vật
- C. Sinh vật sản xuất, sinh vật tiêu thụ, sinh vật phân giải
- D. Thành phần vô sinh, sinh vật sản xuất, sinh vật tiêu thụ, sinh vật phân giải

Câu 2, Thành phần vô sinh của hệ sinh thái bao gồm những yếu tố nào sau đây:

- A. Các chất vô cơ: nước, khí cacbonic, khí oxi..., các loài vi rút, vi khuẩn...
- B. Các chất mùn, bã, các loài rêu, địa y.
- C. Các nhân tố khí hậu như: nhiệt độ, ánh sáng, độ ẩm...các loại nấm, mốc.
- D. Nước, khí cacbonic, khí oxi, nhiệt độ, ánh sáng, độ ẩm..

Câu 3: Trong chuỗi thức ăn sau:

Cây cỏ → Bọ rùa →Ếch → Rắn →Vi sinh vật Thì rắn là :

- A. Sinh vật sản xuất
- B. Sinh vật tiêu thụ cấp 1
- C. Sinh vật tiêu thụ cấp 2
- D. Sinh vật tiêu thụ cấp 3

Câu 4: Cho chuỗi thức ăn đơn giản còn để chỗ trống sau:

Cây gỗ → (.....) → Chuột → Rắn → Vi sinh vật

Loài nào sau đây điền vào chỗ trống là hợp lí nhất ,

- A. Mèo
- B. Sâu ăn lá cây
- C. Bọ ngựa
- D.Ếch

Câu 5: Trong chuỗi thức ăn, sinh vật sản xuất là loài sinh vật nào sau đây?

- A. Nấm và vi khuẩn
- B. Thực vật
- C. Động vật ăn thực vật
- D. Các động vật kí sinh

Câu 6: Năm sinh vật là : Trăn, cỏ, châu chấu, gà rừng và vi khuẩn có thể có quan hệ dinh dưỡng theo sơ đồ nào dưới đây?

- A. Cỏ → châu chấu → trăn → gà rừng → vi khuẩn
- B. Cỏ → trăn → châu chấu → vi khuẩn → gà rừng
- C. Cỏ → châu chấu → gà rừng → trăn → vi khuẩn
- D. Cỏ → châu chấu → vi khuẩn → gà rừng → trăn

Câu 7: Lưới thức ăn là :

- A. Gồm một chuỗi thức ăn
- B. Gồm nhiều loài sinh vật có quan hệ dinh dưỡng với nhau
- C. Gồm các chuỗi thức ăn có nhiều mắt xích chung
- D. Gồm ít nhất là 1 chuỗi thức ăn trở lên

Câu 8: Sinh vật nào là mắt xích cuối cùng trong chuỗi thức ăn hoàn chỉnh ?

- A. Vi sinh vật phân giải
- B. Động vật ăn thực vật
- C. Động vật ăn thịt
- D. Thực vật

Câu 9: Các hình thức khai thác thiên nhiên của con người thời nguyên thủy là :

- A. Hái quả , săn bắt thú.
- B. Bắt cá, hái quả.
- C. Săn bắt thú, hái lượm cây rừng.
- D. Săn bắt động vật và hái lượm cây rừng.

Câu 10: Tác động lớn nhất của con người tới môi trường tự nhiên là :

- A. Phá huỷ thảm thực vật, gây ra nhiều hậu quả xấu .
- B. Cải tạo tự nhiên làm mất cân bằng sinh thái.
- C. Gây ô nhiễm môi trường.
- D. Làm giảm lượng nước gây khô hạn.

Câu 11: Nguyên nhân gây cháy nhiều khu rừng thời nguyên thủy là do :

- A. Con người dùng lửa để lấy ánh sáng
- B. Con người dùng lửa để nấu nướng thức ăn .
- C. Con người dùng lửa sưởi ấm .
- D. Con người đốt lửa dồn thú dữ vào các hố sâu để bắt .

Câu 12: Ở xã hội nông nghiệp do con người hoạt động trồng trọt và chăn nuôi đã :

- A. Chặt phá và đốt rừng lấy đất canh tác.
- B Chặt phá rừng lấy đất chăn thả gia súc .
- C. Chặt phá và đốt rừng lấy đất canh tác , chăn thả gia súc .
- D. Đốt rừng lấy đất trồng trọt .

Câu 13: Ở xã hội nông nghiệp hoạt động cày xới đất canh tác làm thay đổi đất và nước tầng mặt nên :

- A. Đất bị khô cằn .
- B. Đất giảm độ màu mỡ .
- C. Xói mòn đất .
- D. Đất khô cằn và suy giảm độ màu mỡ..

Câu 14: Nền nông nghiệp hình thành , con người phải sống định cư ,dẫn đến nhiều vùng rừng bị chuyển đổi thành :

- A. Khu dân cư
- B. Khu sản xuất nông nghiệp .
- C. Khu chăn thả vật nuôi.
- D. Khu dân cư và khu sản xuất nông nghiệp .

Câu 15: Tác động xấu của con người đối với môi trường tự nhiên

- A. Chặt phá rừng bừa bãi , khai thác tài nguyên thiên nhiên .
- B. Khai thác tài nguyên thiên nhiên , Săn bắt động vật hoang dã .
- C. Săn bắt động vật hoang dã, chặt phá rừng bừa bãi .
- D. Chặt phá rừng bừa bãi, săn bắt động vật hoang dã, khai thác tài nguyên thiên nhiên .

Câu 16: Suy giảm đa dạng của sinh học là nguyên nhân gây nên :

- A. Mất cân bằng sinh thái .
- B. Làm suy giảm hệ sinh thái rừng .
- C. Làm suy giảm tài nguyên sinh vật .
- D. Làm ức chế hoạt động của các vi sinh vật .

Câu 17: Ở xã hội công nghiệp xuất hiện nhiều vùng trồng trọt lớn là do :

- A. Nền nông nghiệp cơ giới hoá .
- B. Công nghiệp khai khoáng phát triển .
- C. Chế tạo ra máy hơi nước .
- D. Nền hoá chất phát triển .

Câu 18: Hậu quả gây nên cho môi trường tự nhiên do con người săn bắt động vật quá mức là

- A. Động vật mất nơi cư trú .
- B. Môi trường bị ô nhiễm .
- C. Nhiều loài có nguy cơ bị diệt chủng , mất cân bằng sinh thái .
- D. Nhiều loài trở về trạng thái cân bằng .

Câu 19: Thế kỉ XVIII được coi là điểm mốc của :

- A. Sự phát triển của nền nông nghiệp .
- B. Thời đại văn minh công nghiệp .
- C. Sự phát triển đô thị .
- D. Nền nông nghiệp cơ giới hoá .

Câu 20: Hoạt động nào sau đây của con người không ảnh hưởng đến môi trường

- A. Hái lượm .
- B. Săn bắn quá mức .
- C. Chiến tranh .
- D. Hái lượm, săn bắn, chiến tranh .

Câu 21: Thế nào là ô nhiễm môi trường ?

- A. Là hiện tượng môi trường tự nhiên bị bẩn .
- B. Là hiện tượng môi trường tự nhiên bị bẩn . Các tính chất vật lí thay đổi .
- C. Là hiện tượng môi trường tự nhiên bị bẩn . Các tính chất vật lí , hoá học , sinh học thay đổi .
- D. Là hiện tượng môi trường tự nhiên bị bẩn . Các tính chất vật lí , hoá học , sinh học bị thay đổi gây tác hại cho con người và các sinh vật khác .

Câu 22: Nguyên nhân dẫn đến ô nhiễm môi trường là gì ?

- A. Do hoạt động của con người gây ra .
- B. Do 1 số hoạt động của tự nhiên (núi lửa , lũ lụt ..)
- C. Do con người thải rác ra sông .
- D. Do hoạt động của con người gây ra và do 1 số hoạt động của tự nhiên.

Câu 23: Một số hoạt động gây ô nhiễm không khí như :

- A. Cháy rừng , các phương tiện vận tải .
- B. Cháy rừng , đun nấu trong gia đình .
- C. Phương tiện vận tải , sản xuất công nghiệp .
- D. Cháy rừng , phương tiện vận tải , đun nấu trong gia đình , sản xuất công nghiệp ..

Câu 24: Nguyên nhân ô nhiễm không khí là do

- A. Săn bắt bừa bãi , vô tổ chức .
- B. Các chất thải từ thực vật phân huỷ .
- C. Đốn rừng để lấy đất canh tác .
- D. Các chất thải do đốt cháy nhiên liệu : gỗ , củi , than đá , dầu mỏ .

Câu 25: Năng lượng nguyên tử và chất phóng xạ có khả năng gây đột biến ở người , gây ra một số bệnh

- A. Bệnh di truyền .
- B. Bệnh ung thư .
- C. Bệnh lao .
- D. Bệnh di truyền và bệnh ung thư.

Câu 26: Nguồn ô nhiễm phóng xạ chủ yếu là từ chất thải của :

- A. Công trường khai thác chất phóng xạ .
- B . Nhà máy điện nguyên tử .
- C. Thử vũ khí hạt nhân .
- D. Công trường khai thác chất phóng xạ, nhà máy điện nguyên tử, việc thử vũ khí hạt nhân .

Câu 27: Nguồn gốc gây ô nhiễm sinh học chủ yếu do các chất thải như

- A. Phân , rác , nước thải sinh hoạt .
- B. Nước thải sinh hoạt , nước thải từ các bệnh viện .
- C. Xác chết của các sinh vật , nước thải từ các bệnh viện .
- D. Phân , rác , nước thải sinh hoạt , xác chết sinh vật , nước thải từ các bệnh viện .

Câu 28: Khắc phục ô nhiễm hoá chất bảo vệ thực vật gồm các biện pháp nào ?

- A. Biện pháp sinh học và biện pháp canh tác .
- B. Biện pháp canh tác , bón phân .
- C. Bón phân , biện pháp sinh học .
- D. Biện pháp sinh học , biện pháp canh tác , bón phân hợp lí ..

Câu 29 Thuốc bảo vệ thực vật gồm các loại

- A. Thuốc trừ sâu , thuốc diệt cỏ .
- B. Thuốc diệt cỏ , thuốc diệt nấm gây hại .
- C. Thuốc trừ sâu , thuốc diệt nấm gây hại .
- D. Thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ , thuốc diệt nấm gây hại .

Câu 30: Nguồn ô nhiễm nhân tạo gây ra là do

- A. Hoạt động công nghiệp .
- B. Hoạt động giao thông vận tải .
- C. Đốt cháy nguyên liệu trong sinh hoạt .
- D. Hoạt động công nghiệp , giao thông vận tải , đốt cháy nhiên liệu trong sinh hoạt ..

Câu 31: Biện pháp hạn chế ô nhiễm do thuốc bảo vệ thực vật

- A. Trồng rau sạch .
- B. Hạn chế phun thuốc bảo vệ thực vật .
- C. Bón phân cho thực vật .
- D. Trồng rau sạch , hạn chế phun thuốc bảo vệ thực vật .

Câu 32: Các năng lượng không sinh ra khí thải là

- A. Năng lượng mặt trời .
- B. Khí đốt thiên nhiên .
- C. Năng lượng gió
- D. Năng lượng mặt trời và năng lượng gió .

Câu 33, Xây dựng nhiều công viên , trồng cây xanh để:

- A. Hạn chế bụi .
- B. Điều hoà khí hậu .
- C. Xử lí chất thải nông nghiệp .
- D. Hạn chế bụi , điều hoà khí hậu .

Câu 34: Biện pháp hạn chế ô nhiễm tiếng ồn

- A. Hạn chế gây tiếng ồn của các phương tiện giao thông ,
- B. Lắp đặt các thiết bị lọc khí cho các nhà máy .
- C. Hạn chế tiếng ồn của các phương tiện giao thông , xây dựng công viên cây xanh , trồng cây .
- D. Xây dựng công viên cây xanh, trồng cây .

Câu 35: Biện pháp hạn chế ô nhiễm do chất thải rắn

- A. Xây dựng nhà máy tái chế chất thải thành nguyên liệu , đồ dùng ..
- B. Tạo bể lắng và lọc nước thải .
- C. Trồng nhiều cây xanh .
- D. Sản xuất lương thực và thực phẩm an toàn .

Câu 36: Biện pháp hạn chế ô nhiễm do chất phóng xạ :

- A. Xây dựng nơi quản lí thật chặt chẽ các chất phóng xạ gây nguy hiểm .
- B. Xây dựng nhà máy tái chế chất thải .
- C. Xây dựng nhà máy xử lí rác .
- D. Xây dựng các nhà máy ở xa khu dân cư.

Câu 37: Sản xuất lương thực và thực phẩm an toàn để hạn chế

- A. Ô nhiễm do thuốc bảo vệ thực vật , hoá chất .
- B. Ô nhiễm do chất phóng xạ .
- C. Ô nhiễm do không khí .
- D. Ô nhiễm do hoạt động thiên tai ..

Câu 38: Trong các phương tiện giao thông sau phương tiện nào không gây khí thải

- A. Xe đạp .
- B. Xe gắn máy .
- C. Xe ô tô .
- D. Ô tô buýt .

Câu 39: Những hoạt động nào sau đây không gây ô nhiễm môi trường

- A. Phun thuốc trừ sâu .
- B. Trồng cây gây rừng .
- C. Vứt rác bừa bãi ra môi trường .
- D. Thải nước sinh hoạt ra môi trường .

Câu 40: Các dạng tài nguyên thiên nhiên chủ yếu gồm: (

- A. Đất, nước, dầu mỏ
- B. Đất, nước, sinh vật, rừng
- C. Đất, nước, khoáng sản, năng lượng, sinh vật, rừng
- D. Đất, nước, than đá, sinh vật, rừng

Câu 41: Tài nguyên nào sau đây thuộc tài nguyên không tái sinh:

- A. Tài nguyên rừng
- B. Tài nguyên đất
- C. Tài nguyên khoáng sản
- D. Tài nguyên sinh vật

Câu 42: Tài nguyên nào sau đây thuộc tài nguyên tái sinh:

- A. Khí đốt và tài nguyên sinh vật
- B. Tài nguyên sinh vật và tài nguyên đất
- C. Dầu mỏ và tài nguyên nước
- D. Bức xạ mặt trời và tài nguyên sinh vật

Câu 43: Gió và năng lượng nhiệt từ trong lòng đất được xếp vào nguồn tài nguyên nào sau đây:

- A. Tài nguyên không tái sinh
- B. Tài nguyên năng lượng vĩnh cửu
- C. Tài nguyên tái sinh và tài nguyên không tái sinh
- D. Tài nguyên tái sinh

Câu 44: Tài nguyên dưới đây có giá trị vô tận là:

- A. Dầu mỏ, than đá và khí đốt
- B. Tài nguyên khoáng sản và tài nguyên sinh vật
- C. Năng lượng mặt trời
- D. Cây rừng và thú rừng

Câu 45: Nguồn năng lượng dưới đây nếu được khai thác sử dụng sẽ không gây ô nhiễm môi trường là:

- A. Khí đốt thiên nhiên
- B. Than đá
- C. Dầu mỏ
- D. Bức xạ mặt trời

Câu 46: Tài nguyên nào sau đây được xem là nguồn năng lượng sạch?

- A. Bức xạ mặt trời, gió, nhiệt trong lòng đất
- B. Dầu mỏ, khí đốt
- C. Than đá và nguồn khoáng sản kim loại
- D. Dầu mỏ, thủy triều, khí đốt

Câu 47: Dựa vào yếu tố nào sau đây để xếp đất vào nguồn tài nguyên tái sinh:

- A. Trong đất chứa nhiều khoáng sản kim loại
- B. Đất thường xuyên được bồi đắp bởi phù sa, được tăng độ mùn từ xác động thực vật
- C. Trong đất có nhiều than đá
- D. Nhiều quặng dầu mỏ, khí đốt trong lòng đất

Câu 48: Hãy cho biết nhóm tài nguyên nào sau đây là cùng một dạng (tài nguyên tái sinh, không tái sinh hoặc năng lượng vĩnh cửu) :

- A. Rừng, tài nguyên đất, tài nguyên nước
- B. Dầu mỏ, khí đốt, tài nguyên sinh vật
- C. Bức xạ mặt trời, rừng, nước
- D. Đất, tài nguyên sinh vật, khí đốt

Câu 49: Những biện pháp bảo vệ nguồn tài nguyên đất là:

- A. Trồng cây gây rừng để chống xói mòn
- B. Tăng cao độ phì cho đất
- C. Bảo vệ động vật hoang dã
- D. Chống xói mòn, chống nhiễm mặn, nâng cao độ phì cho đất

Câu 50: Để bảo vệ rừng và tài nguyên rừng, biện pháp cần làm là:

- A. Không khai thác sử dụng nguồn lợi từ rừng nữa
- B. Tăng cường khai thác nhiều hơn nguồn thú rừng
- C. Thành lập các khu bảo tồn thiên nhiên và các vườn quốc gia
- D. Chặt phá các khu rừng già để trồng lại rừng mới

Câu 51: Ngoài việc cung cấp gỗ quý, rừng còn có tác dụng gì cho môi trường sống của con người?

- A. Cung cấp động vật quý hiếm
- B. Thải khí CO₂, giúp cây trồng khác quang hợp
- C. Điều hòa khí hậu, chống xói mòn, ngăn chặn lũ lụt
- D. Là nơi trú ẩn của nhiều loài động vật

Câu 52: Gìn giữ thiên nhiên hoang dã là :

- A. Bảo vệ các loài sinh vật
- B. Bảo vệ rừng đầu nguồn
- C. Bảo vệ môi trường sống của sinh vật
- D. Bảo vệ các loài sinh vật và môi trường sống của chúng

Câu 53: Em hãy cho biết công việc của chúng ta đã làm để bảo vệ nguồn tài nguyên sinh vật:

- A. Xây dựng các khu rừng quốc gia ,bảo vệ sinh vật có tên trong sách đỏ
- B. Chặt phá rừng làm củi, lấy gỗ
- C. Sử dụng đúng mức thuốc trừ sâu và hóa chất
- D. Khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Câu 54: Đối với những vùng đất trống, đồi núi trọc thì biện pháp chủ yếu và cần thiết nhất là:

- A. Trồng cây gây rừng
- B. Tiến hành chăn thả gia súc
- C. Cày xới để làm nương, rẫy để sản xuất lương thực
- D. Làm nhà ở

Câu 55: Những hành động nào sau đây làm suy thoái môi trường:

- A. Trồng cây trên đồi trọc
- B. Săn bắt động vật quý hiếm
- C. Không chặt phá rừng bừa bãi
- D. Săn bắt động vật quý hiếm – phun thuốc trừ sâu

Câu 56 Vai trò của việc trồng cây gây rừng trên vùng đất trọc, đất trống là:

- A. Hạn chế xói mòn, lũ lụt, cải tạo khí hậu
- B. Cho ta nhiều gỗ
- C. Phủ xanh vùng đất trống
- D. Bảo vệ các loài động vật

Câu 57: Để làm cho đất không bị cạn kiệt nguồn dinh dưỡng, tận dụng được hiệu suất sử dụng đất – tăng năng suất cây trồng, ta cần phải:

- A. Trồng một loại cây nhất định trên vùng đất đó
- B. Thay đổi các loại cây trồng hợp lí (trồng luân canh, trồng xen kẽ)
- C. Trồng cây kết hợp bón phân
- D. Trồng các loại giống mới

Câu 58,Xây dựng các khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia nhằm mục đích gì?

- A. Bảo vệ nguồn gen sinh vật
- B. Tạo khu du lịch
- C. Bảo vệ hệ sinh thái và bảo vệ nguồn gen sinh vật
- D. Hạn chế diện tích rừng bị khai phá

Câu 59,Những biện pháp chủ yếu để bảo vệ thiên nhiên hoang dã là :

- A Bảo vệ tài nguyên sinh vật - bảo vệ các khu rừng già.
- B. Trồng thêm cây và gây rừng tạo môi trường sống cho nhiều sinh vật.
- C. Bảo vệ tài nguyên sinh vật và cải tạo các hệ sinh thái đã bị thoái hóa
- D. Bảo vệ các động vật quý hiếm, xây dựng các vườn quốc gia

Câu 60: Công nghệ sinh học đóng vai trò quan trọng như thế nào trong việc bảo vệ tài nguyên sinh vật:

- A. Bảo tồn nguồn gen quý hiếm
- B. Tạo ra nhiều giống mới
- C. Lưu giữ và nhân nhanh nhiều giống quý hiếm.
- D. Đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của con người